

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**
Số: 664/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Gia Lai, ngày 03 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh sách giám định viên tư pháp, tổ chức giám định tư pháp công lập, người giám định tư pháp theo vụ việc và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 26 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 2201/STP-NV2 ngày 31 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh sách 225 giám định viên tư pháp, 02 tổ chức giám định tư pháp công lập, 03 người giám định tư pháp theo vụ việc và 11 tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Hải Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số: 664 /QĐ-UBND ngày ⁰³ tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Tên tổ chức	Lĩnh vực giám định	Địa chỉ trụ sở/Điện thoại liên hệ	Họ và tên người đứng đầu tổ chức	Ghi chú
01	Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai	Pháp y	Số 61 Phan Đình Phùng, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 0269.3755.178	Trần Quang Chi Giám đốc	
02	Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai	Kỹ thuật hình sự, Pháp y	Số 07 Lý Thái Tổ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 069.4329.141	Thượng tá Lê Tiến Long Trưởng phòng	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số: 664 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Tên tổ chức	Lĩnh vực giám định	Địa chỉ trụ sở/ Điện thoại liên hệ	Họ tên người đứng đầu tổ chức	Ghi chú
01	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Lâm nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y	Số 24 Quang Trung, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 0269.3824.273	Lưu Trung Nghĩa Giám đốc	
02	Sở Khoa học và Công nghệ	Khoa học và Công nghệ	Số 98B Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 0269.3824.264	Nguyễn Nam Hải Giám đốc	
03	Sở Thông tin và Truyền thông	Thông tin và Truyền thông	Số 17 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 0269.3717.564	Nguyễn Ngọc Hùng Giám đốc	
04	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Số 17 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 0269.3824.360	Trần Ngọc Nhung Giám đốc	
05	Sở Tài chính	Kế toán	Số 03 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 0269.3824.348	Nguyễn Anh Dũng Giám đốc	

STT	Tên tổ chức	Lĩnh vực giám định	Địa chỉ trụ sở/ Điện thoại liên hệ	Họ tên người đứng đầu tổ chức	Ghi chú
06	Sở Xây dựng	Xây dựng	Số 17 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 0269.3824428	Nguyễn Bá Thạch Giám đốc	
07	Sở Giao thông vận tải	Giao thông vận tải	Số 10 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 0269.3824248	Đoàn Hữu Dũng Giám đốc	
08	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Số 189B Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 0269.3716.447	Trần Văn Lực Giám đốc	
09	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai	Đất đai	Số 236 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 0269.3278.899	Trịnh Hữu Tùng Giám đốc	Đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường
10	Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh Gia Lai	Xúc tiến đầu tư, Tư vấn và Lập hồ sơ dự án, Khuyến khích đầu tư	Số 02 Hoàng Hoa Thám, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 0269.3600.901	Lê Tiến Anh Giám đốc	Đơn vị trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư
11	Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng	Xây dựng dân dụng	Tổ 15, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ĐT: 0914138477	Huỳnh Tuấn Anh Phó Giám đốc phụ trách	Đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số.664 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số lượng (GDV)	Lĩnh vực chuyên ngành	Ngày, tháng, năm bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Nơi công tác	Ghi chú
I. Lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần							
1	Lã Văn Thắng	06/01/1953	56	Pháp y	02/8/1995	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	Đã nghỉ hưu
2	Mai Xuân Hải	21/8/1961		Pháp y	23/4/2002	Sở Y tế	Đã nghỉ hưu
3	Dương Thành Hồ	02/8/1959		Pháp y	23/4/2002	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	Đã nghỉ hưu
4	Phạm Bá Mỹ	10/8/1962		Pháp y	22/11/2006	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	Đã nghỉ hưu
5	Nguyễn Mạnh Cường	05/5/1965		Pháp y	30/6/2009	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	
6	Bạch Anh Hùng	1957		Pháp y	22/11/2006	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	Đã nghỉ hưu

7	Đặng Phước Toàn	03/01/1960		Pháp y	27/7/2009	Trung tâm Y tế thành phố Pleiku	Đã nghỉ hưu
8	Lê Thị Thúy Anh	08/7/1968		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế thành phố Pleiku	
9	Tăng Văn Thành	12/02/1969		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế thành phố Pleiku	
10	Quảng Thanh Xuân	01/01/1965		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế thành phố Pleiku	Đã nghỉ việc
11	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	02/02/1979		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai	
12	Phạm Văn Nghiêm	16/10/1964		Pháp y	07/11/1998	Trung tâm Y tế huyện Ia Grai	
13	Ngân Văn Thư	25/5/1972		Pháp y	07/01/2005	Trung tâm Y tế huyện Ia Grai	
14	Nguyễn Văn Vĩnh	27/7/1960		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế huyện Ia Grai	Đã nghỉ hưu
15	Nguyễn Văn Hùng	10/10/1965		Pháp y	23/4/2002	Trung tâm Y tế huyện Đak Đoa	
16	Nghị Hồng Triều	21/01/1971		Pháp y	22/11/2006	Trung tâm Y tế huyện Đak Đoa	
17	Nguyễn Văn Chính	10/11/1962		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế huyện Đak Đoa	Đã nghỉ hưu
18	Phan Công Kính	17/02/1969		Pháp y	14/10/2011	Trung tâm Y tế huyện Mang Yang	
19	Lý Minh Sơn	07/7/1958		Pháp y	07/11/1998	Trung tâm Y tế huyện Mang Yang	Đã nghỉ hưu

20	Đồng Văn Chín	16/10/1973		Pháp y	30/6/2009	Trung tâm Y tế huyện Mang Yang	
21	Nguyễn Vĩnh Tiên	1971		Pháp y	23/10/2006	Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ	
22	Lê Hùng	05/3/1966		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ	
23	Nguyễn Như Tòng	15/5/1964		Pháp y	23/4/2002	Trung tâm Y tế thị xã An Khê	
24	Trần Đức Phương	15/10/1967		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế thị xã An Khê	
25	Nguyễn Đình Dương	20/8/1976		Pháp y	30/6/2009	Trung tâm Y tế huyện Kông Chro	
26	Đặng Thành Tá	02/3/1971		Pháp y	30/6/2009	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai	
27	Nguyễn Minh Vị	28/02/1974		Pháp y	22/11/2006	Công tác ngoài tỉnh	Đã chuyển công tác
28	Vũ Trung Hiếu	29/5/1964		Pháp y	07/11/1998	Trung tâm Y tế huyện Kbang	
29	Nguyễn Hùng	25/7/1962		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế huyện Kbang	Đã nghỉ hưu
30	Nguyễn Quyết Thắng	19/5/1962	Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế huyện Kbang	Đã nghỉ hưu	

31	Rmah Toan	20/10/1966		Pháp y	26/12/2006	Trung tâm Y tế huyện Chư Sê	
32	Chu Thanh Hưng	20/8/1964		Pháp y	16/01/2007	Trung tâm Y tế huyện Chư Sê	
33	Chu Văn Vương	08/01/1963		Pháp y	27/7/2009	Trung tâm Y tế huyện Chư Sê	Đã nghỉ hưu
34	Nguyễn Tấn Bi	1977		Pháp y	23/10/2006	Trung tâm Y tế huyện Chư Prông	
35	Nguyễn Ngọc Sơn	12/8/1969		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế huyện Chư Prông	
36	Bùi Văn Quyết	23/01/1969		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế huyện Đức Cơ	
37	Nguyễn Hữu Hoàng	20/11/1973		Pháp y	23/4/2002	Trung tâm Y tế huyện Đức Cơ	Đã nghỉ việc
38	Nguyễn Văn Đang	20/11/1970		Pháp y	22/11/2006	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	
39	Đỗ Tấn Thạnh	12/3/1970		Pháp y	14/7/2009	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	
40	Võ Văn Đông	16/01/1974		Pháp y	14/7/2009	Trung tâm Y tế huyện Đức Cơ	
41	Hà Ngọc Hải	20/8/1963		Pháp y	07/01/2005	Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ	
42	Đinh Viết Bửu	29/5/1962		Pháp y	07/11/1998	Trung tâm Y tế huyện Krông Pa	Đã nghỉ hưu

43	Đỗ Thế Nghiêm	08/3/1973		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế huyện Krông Pa	
44	Kpă Glen	08/10/1966		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế huyện Ia Pa	
45	Siu Thú	1976		Pháp y	23/10/2006	Trung tâm Y tế huyện Ia Pa	
46	Đồng Xuân Đức	16/10/1969		Pháp y	14/7/2009	Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai	
47	Phạm Chí Quang	28/11/1973		Pháp y	14/7/2009	Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện	
48	Siu Blu	31/12/1971		Pháp y	14/7/2009	Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện	
49	Kpă Alin	31/12/1966		Pháp y	07/11/1998	Trung tâm Y tế thị xã Ayun Pa	
50	Trần Công Lực	13/12/1966		Pháp y	22/11/2006	Trung tâm Y tế thị xã Ayun Pa	Đã nghỉ việc
51	Phan Đình Đông	12/7/1963		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế thị xã Ayun Pa	
52	Lý Minh Thái	08/01/1974		Pháp y	01/10/2010	Sở Y tế	
53	Nguyễn Trà	20/4/1972		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế huyện Chư Păh	
54	Nguyễn Tiến Quân	15/7/1964		Pháp y	01/10/2010	Trung tâm Y tế huyện Chư Păh	Đã nghỉ hưu
55	Tào Quang Bích	25/6/1966		Pháp y	17/8/2011	Trung tâm pháp y tỉnh Gia Lai	

56	Đông Vĩnh Thanh	01/6/1969		Pháp y tâm thần	14/10/2011	Bệnh viện tâm thần kinh	
II. Lĩnh vực Tài chính							
1	Lương Văn Hòa	20/5/1965	23	Kế toán	19/7/2021	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Kbang	
2	Lương Văn Thảo	19/01/1986		Kế toán	19/7/2021	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Kbang	
3	Nguyễn Văn Tiến	02/5/1984		Kế toán	19/7/2021	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Chư Pưh	
4	Nguyễn Minh Khoa	23/8/1970		Kế toán	14/10/2011	Sở Tài chính	
5	Lê Ngọc Đình	25/11/1963		Kế toán	02/11/2018	Sở Tài chính	
6	Võ Văn Vân	01/4/1965		Kế toán	02/11/2018	Sở Tài chính	
7	Ngô Văn Thiêng	25/12/1967		Kế toán	02/11/2018	Sở Tài chính	
8	Lê Bá Chiêu	26/9/1966		Kế toán	02/11/2018	Sở Tài chính	
9	Trương Công Thành	10/10/1969		Kế toán	02/11/2018	Sở Tài chính	
10	Ngôn Thị Oanh	22/9/1981		Kế toán – Kiểm toán	21/4/2023	Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Pleiku	

11	Trần Như Hoài Bảo	11/11/1973		Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Ayun Pa	
12	Lã Toàn Thắng	27/4/1975		Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Đức Cơ	
13	Trần Thị Thúy	22/12/1977		Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Chư Păh	
14	Võ Quốc Trung	10/12/1966		Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Phú Thiện	
15	Phạm Đình Tứ	27/3/1981		Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Krông Pa	
16	Huỳnh Ngô Tùng Điệp	02/6/1977		Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Ia Grai	
17	Lê Văn Hoàn	05/7/1977		Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Mang Yang	
18	Phạm Thị Mỹ Hạnh	26/01/1976		Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Mang Yang	
19	Nguyễn Thị Kim Anh	27/12/1983		Kế toán	05/6/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Mang Yang	
20	Nguyễn Văn Hải	05/3/1975		Kế toán	19/7/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Kông Chro	
21	Trần Thị Thúy Vân	09/01/1983		Tài chính - Ngân hàng	19/7/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã An Khê	
22	Đinh Hồng Thuật	02/6/1984		Tài chính - Ngân hàng	19/7/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Chư Sê	

23	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	11/02/1979		Kế toán	19/7/2019	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Đak Đoa	
III. Lĩnh vực Khoa học và công nghệ							
1	Phan Hồng Trường	21/4/1980	4	Khoa học & Công nghệ	17/8/2011	Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Ngô Xuân Hòa	02/9/1975		Khoa học & Công nghệ	17/8/2011	Trung Tâm KTTCDLCL (SKH&CN)	
3	Phạm Thanh Tuấn	18/9/1980		Khoa học & Công nghệ	17/8/2011	Chi cục TCĐLCL (SKH&CN)	
4	Nguyễn Nam Hải	07/11/1968		Khoa học kỹ thuật	17/10/2001	Sở Khoa học và Công nghệ	
IV. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường							
1	Trương Như Quảng	05/01/1972	11	Đất đai	27/9/2021	Sở Tài nguyên và Môi trường	
2	Nguyễn Thị Thanh Hương	10/9/1971		Môi trường	31/5/2012	Sở Tài nguyên và Môi trường	
3	Hoàng Văn Nhiệm	14/7/1960		Tài nguyên và Môi trường	17/10/2001	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đã nghỉ hưu
4	Phạm Ngọc Chung	17/01/1974		Đất đai	30/10/2023	Sở Tài nguyên và Môi trường	

5	Lê Phi Hùng	16/3/1983		Đất đai	30/10/2023	Sở Tài nguyên và Môi trường	
6	Văn Anh Việt	25/4/1983		Đất đai	30/10/2023	Sở Tài nguyên và Môi trường	
7	Trịnh Hữu Tùng	03/8/1974		Đất đai	30/10/2023	Văn phòng đăng ký đất đai	
8	Lê Tuấn Anh	10/9/1974		Khoáng sản	30/10/2023	Sở Tài nguyên và Môi trường	
9	Tạ Văn Thân	04/01/1981		Khoáng sản	30/10/2023	Sở Tài nguyên và Môi trường	
10	Lê Thị Hồng Quyên	21/10/1981		Môi trường	30/10/2023	Chi Cục bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường	
11	Phạm Tấn Cường	18/8/1983		Môi trường	30/10/2023	Chi Cục bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường	

V. Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông

1	Nguyễn Hải Cường	10/01/1983	10	Kỹ sư Điện tử - Viễn thông	22/11/2022	Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Đình Thế Danh	05/11/1984		Kỹ sư Điện tử - Viễn thông	22/11/2022	Sở Thông tin và Truyền thông	
3	Nguyễn Nam Phương	28/01/1986		Kỹ sư Điện tử - Viễn thông	22/11/2022	Sở Thông tin và Truyền thông	

4	Nguyễn Khương Duy	23/3/1986		Kỹ sư công nghệ thông tin	22/11/2022	Sở Thông tin và Truyền thông	
5	Nguyễn Văn Huỳnh	21/9/1988		Kỹ sư công nghệ thông tin	22/11/2022	Sở Thông tin và Truyền thông	
6	Đặng Quang Khanh	01/3/1981		Công nghệ thông tin	30/6/2009	Sở Thông tin và Truyền thông	
7	Phan Đình Hiếu	20/6/1982		Công nghệ thông tin	29/10/2020	Sở Thông tin và Truyền thông	
8	Nguyễn Văn Minh	03/10/1981		Bưu chính viễn thông	29/10/2020	Sở Thông tin và Truyền thông	
9	Lê Văn Anh	26/5/1981		Báo chí	29/10/2020	Sở Thông tin và Truyền thông	
10	Lê Thị Quế	26/9/1991		Xuất bản	29/10/2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Đã nghỉ việc

VI. Lĩnh vực Xây dựng

1	Nguyễn Hồng Minh	10/10/1968	6	Xây dựng	19/7/2021	Sở Xây dựng	
2	Trần Ngọc Đức	02/5/1973		Xây dựng	30/6/2009	Sở Xây dựng	
3	Đào Minh Tuyên	07/7/1975		Xây dựng	19/7/2021	Sở Xây dựng	

4	Hoàng Anh Tuấn	22/7/1984		Xây dựng	19/7/2021	Sở Xây dựng	
5	Phan Văn Cường	01/8/1975		Xây dựng	19/7/2021	Sở Xây dựng	
6	Nguyễn Ngọc Trung	25/10/1975		Xây dựng	19/7/2021	Sở Xây dựng	

VII. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1	Nguyễn Thị Linh Chi	23/9/1964	76	Trồng trọt	30/6/2009	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp TP.Pleiku	Đã nghỉ hưu
2	Nguyễn Văn Tú	01/02/1961		Trồng trọt	04/6/2010	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Đã nghỉ hưu
3	Nguyễn Văn Bảy	06/01/1970		Thủy lợi	04/6/2010	Chi cục Thủy lợi	
4	Phạm Hữu Phước	05/4/1975		Thủy sản	04/6/2010	Trung tâm Giống thủy sản	
5	Nguyễn Hồng Lâm	15/9/1968		Lâm nghiệp	26/11/2012	Chi cục Kiểm lâm	
6	Lương Năm	01/3/1969		Lâm nghiệp	26/11/2012	Văn phòng UBND tỉnh	Chuyển công tác khác
7	Lê Văn Minh	03/10/1958		Lâm nghiệp	26/11/2012	Chi cục Kiểm lâm	Đã nghỉ hưu
8	Võ Quốc Trường	29/9/1967		Trồng trọt	04/6/2010	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	

9	Tề Minh Thống	17/5/1975		Trồng trọt	04/6/2010	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đã nghỉ việc
10	Ksor Ngoal	01/01/1956		Thú y	04/6/2010	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Đã nghỉ hưu
11	Ksor Nhuat	10/7/1960		Thú y	04/6/2010	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã Ayun Pa	Đã nghỉ hưu
12	Phạm Văn Chương	06/5/1963		Thú y	04/6/2010	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã An Khê	Đã chuyển công tác khác
13	Vũ Thị An Châu	03/8/1984		Thú y	14/11/2017	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	
15	Nguyễn Hoàng Tiến Toán	21/12/1975		Lâm nghiệp	14/11/2017	Chi cục Kiểm lâm	
16	Huỳnh Cao Thoại	16/02/1982		Lâm nghiệp	14/11/2017	Chi cục Kiểm lâm	
17	Nguyễn Văn Bửu	26/9/1987		Lâm nghiệp	14/11/2017	Chi cục Kiểm lâm	
18	Trương Văn Nam	25/3/1978		Lâm nghiệp	14/11/2017	Chi cục Kiểm lâm	
19	Nguyễn Minh Cương	25/6/1978		Lâm nghiệp	14/11/2017	Chi cục Kiểm lâm	
20	Lê Thị Mỹ Nhung	18/01/1983		Thủy sản	14/11/2017	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đã nghỉ việc
21	Nguyễn Thị Thùy Liên	29/4/1990		Kinh tế	03/9/2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

22	Phạm Thị Chiên	27/5/1984		Thú y	03/9/2020	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	
23	Trịnh Văn Cương	16/02/1980		Trồng trọt	03/9/2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
24	Đào Phi Long	12/4/1979		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
25	Bùi Quốc Hà	30/5/1982		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
26	Nguyễn Trọng Hiếu	12/01/1987		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
27	Đào Duy Tuấn	16/12/1976		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
28	Nguyễn Trường Lâm	02/8/1981		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
29	Nguyễn Anh Tuấn	14/6/1990		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
30	Trần Cao Linh	14/7/1980		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
31	Nguyễn Minh Huân	05/01/1979		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
32	Nguyễn Thành Huy	01/01/1986		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
33	Nguyễn Hùng	30/8/1983		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
34	Nguyễn Văn Quyển	11/6/1987		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	

35	Hoàng Văn Tình	09/3/1986		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
36	Hoàng Anh Tuấn	13/4/1980		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
37	Ngô Văn Tân	05/01/1985		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
38	Nguyễn Mạnh Trường	08/8/1990		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
39	Đặng Việt Hùng	19/01/1977		Lâm nghiệp	03/9/2020	Chi cục Kiểm lâm	
40	Nguyễn Thị Thùy Dung	28/6/1981		Thú y	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp TP.Pleiku	
41	Lê Thị Mỹ Dung	04/11/1978		Trồng trọt	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp TP.Pleiku	
42	Phạm Anh Tuấn	23/10/1982		Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đak Pơ	
43	Trần Thị Minh Trung	01/01/1982		Thú y	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đak Pơ	
44	Thủy Ngọc Tuấn	14/9/1985		Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Chư Pưh	

45	Nguyễn Thanh Vũ	12/12/1984		Thú y	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Chư Puh	
46	Võ Văn Hưng	04/4/1965		Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Kông Chro	Chuyển công tác khác
47	Nguyễn Bá Ty	02/4/1967		Thú y	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Kông Chro	
48	Nguyễn Như Khoa	10/02/1987		Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Mang Yang	Chuyển công tác khác
49	Nguyễn Văn Tỳ	20/10/1989		Thú y	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Mang Yang	
50	Đinh Xuân Duyên	28/02/1962		Thú y	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Krông Pa	Đã nghỉ hưu
51	Ksor Yuron	12/02/1985		Trồng trọt	29/12/2020	Chi Cục Phát triển nông thôn	
52	Lê Quang Nhân Trí	13/10/1987		Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Chư Prông	
53	Rmah Binh	22/5/1989		Thú y	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Chư Prông	
54	Kpă Grôk	13/12/1980		Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phú Thiện	
55	Nguyễn Thị Thu Hiệp	27/6/1989		Thú y	29/12/2020	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Phú Thiện	
56	Nguyễn Văn Hợp	20/8/1970		Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Chư Sê	

57	Trương Thị Tường Vy	28/4/1989		Thú y	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Chư Sê	
58	Lê Tấn Hùng	18/8/1975		Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đak Đoa	
59	Nguyễn Thị Nở	20/11/1985		Thú y	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đak Đoa	
60	Lê Văn Tới	20/01/1989		Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ia Pa	
61	Phạm Thị Thu Hằng	18/3/1976		Thú y	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ia Grai	
62	Đinh Thị Thanh Bình	12/3/1987		Trồng trọt	29/12/2020	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Kbang	
63	Trần Quang Hiệu	15/10/1982		Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã An Khê	
64	Đỗ Thành Tân	07/6/1984		Thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã An Khê	
65	Rah Lan Trục	06/8/1990		Thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Ia Pa	
66	Vũ Hồng Anh	05/9/1977		Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Đức Cơ	
67	Rơ Châm Phiép	24/12/1989		Thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Đức Cơ	
68	Trương Thị Thiên Lý	27/12/1982		Thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Đak Pơ	

69	Nguyễn Thị Thủy	16/3/1989		Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Đak Pơ	
70	Võ Xuân Thịnh	10/01/1989		Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Ia Grai	
71	Lê Hữu Quang	21/01/1980		Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Ia Grai	
72	Bùi Thị Hà	12/10/1987		Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Chư Păh	
73	Phùng Thị Thảo	10/10 /1982		Chăn nuôi thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Chư Păh	
74	Phan Đình Hân	20/5/1984		Chăn nuôi thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Kbang	
75	Đào Huy Lộc	20/4/1978		Trồng trọt	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã Ayun Pa	
76	Phạm Thị Hồng Hoa	20/5/1983		Thú y	10/8/2021	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã Ayun Pa	

VIII. Lĩnh vực Giao thông vận tải

1	Đỗ Lê Sơn	27/9/1976	13	Xây dựng cầu đường	09/11/2022	Sở Giao thông vận tải	
2	Hoàng Nguyên Lưu	26/02/1984		Xây dựng cầu đường	09/11/2022	Sở Giao thông vận tải	
3	Dương Phú Thịnh	16/10/1978		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	09/11/2022	Sở Giao thông vận tải	

4	Kpă Hoàng Như Ý	27/7/1983		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	09/11/2022	Sở Giao thông vận tải	
5	Lê Minh Thịnh	03/8/1983		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	09/11/2022	Sở Giao thông vận tải	
6	Lê Minh Trí	02/9/1988		Cơ khí	09/11/2022	Sở Giao thông vận tải	
7	Trần Thái Kiên	17/02/1987		Cơ khí	09/11/2022	Sở Giao thông vận tải	
8	Nguyễn Trung Sơn	09/02/1978		Cơ khí	09/11/2022	Sở Giao thông vận tải	
9	Võ Ngọc Hải	15/10/1989		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	09/11/2022	Sở Giao thông vận tải	
10	Hà Anh Thái	12/5/1971		Xây dựng cầu đường	09/4/2010	Sở Giao thông vận tải	
11	Tăng Xuân Kiên	10/8/1965		Cơ khí sửa chữa ô tô	09/4/2010	Sở Giao thông vận tải	
12	Lê Ngọc Hữu	25/9/1970		Động lực học	09/4/2010	Sở Giao thông vận tải	
13	Đặng Hoàng Bảo	07/12/1976		Cơ khí chuyên dùng	09/4/2010	Sở Giao thông vận tải	

IX. Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1	Nguyễn Quang Tuệ	09/02/1967	3	Văn hóa	24/3/2005	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
2	Nguyễn Công Phương	05/5/1965		Thể dục – Thể Thao	10/01/2011	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
3	Phan Thị Ngọc Diệp	08/3/1976		Du lịch	10/01/2011	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

X. Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư

1	Lê Tiến Anh	18/7/1971	4	Kế hoạch - Đầu tư	17/8/2011	Trung tâm xúc tiến đầu tư –Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Lê Thị Loan	12/7/1960		Kế hoạch - Đầu tư	17/8/2011	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đã nghỉ hưu
3	Phạm Tấn Nghĩa	02/7/1974		Kế hoạch - Đầu tư	17/8/2011	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4	Lê Thiện Lộc	01/4/1977		Kế hoạch - Đầu tư	17/8/2011	Sở Kế hoạch và Đầu tư	

XI. Lĩnh vực giám định: Kỹ thuật hình sự

1	Võ Đình Tài	16/8/1983	19	Đường vân	26/9/2014	Công an tỉnh	
2	Nguyễn Minh Tâm	01/12/1983		Hóa học; Cháy nổ	18/8/2016; 28/06/2017	Công an tỉnh	

3	Nguyễn Thành Long	16/6/1988		Dấu vết đường vân	10/8/2015	Công an tỉnh	
4	Nguyễn Trọng Dũng	08/8/1988		Súng, đạn; Cơ học	10/08/2015; 12/12/2018	Công an tỉnh	
5	Bùi Sĩ Thà	24/4/1982		Hóa học	10/8/2015	Công an tỉnh	
6	Giang Như Ba	13/6/1986		Pháp y; sinh học	25/4/2016; 18/8/2016	Công an tỉnh	
7	Phạm Xuân Phượng	14/9/1985		Tài liệu	27/6/2018	Công an tỉnh	
8	Nguyễn Tiến Huy	19/12/1990		Tài liệu	27/6/2018	Công an tỉnh	
9	Nguyễn Đức Trọng	11/10/1990		Pháp y	04/01/2018	Công an tỉnh	
10	Trần Văn Độ	20/10/1968		Tài liệu	18/8/2016	Công an tỉnh	
11	Hồ Đình Công	21/02/1974		Hóa học	18/8/2016	Công an tỉnh	
12	Lê Tiến Long	16/5/1978		Đường vân	11/02/2010	Công an tỉnh	
13	Nguyễn Đức Huy	30/5/1981		Cơ học; Kỹ thuật	05/09/2012; 27/10/2020	Công an tỉnh	
14	Nguyễn Văn Thư	10/8/1981		Tài liệu	05/9/2012	Công an tỉnh	
15	Lê Thị Minh Tâm	30/5/1981		Tài liệu	05/9/2012	Công an tỉnh	

16	Trần Minh Duy	03/8/1989		Sinh học	12/12/2018	Công an tỉnh	
17	Nguyễn Quang Đạo	26/4/1989		Tài liệu	27/10/2020	Công an tỉnh	
18	Lương Văn Tín	03/8/1989		Pháp y	15/6/2022	Công an tỉnh	
19	Nguyễn Văn Quỳnh	22/7/1983		Đường vân; Cơ học	19/02/2014; 27/10/2020	Công an tỉnh	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 4

DANH SÁCH NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Quyết định số: 664/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số lượng (GDV)	Lĩnh vực chuyên môn	Ngày, tháng, năm công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc	Chức vụ/ Đơn vị công tác	Ghi chú
Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội							
1	Trần Ngọc Tuấn	26/10/1972	03	Quản lý thu BHXH, BHYT, BHTN	31/3/2021	Phó Giám đốc - Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai	
2	Lê Tiến Mạnh	20/11/1966		Giải quyết chế độ BHXH	31/3/2021	Trưởng phòng Truyền thông - Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai	
3	Đỗ Thị Bích Hợp	12/12/1971		Giám định BHYT	31/3/2021	Phó trưởng Phòng Giám định BHYT - Bảo hiểm xã hội tỉnh Gia Lai	